

Số: /2022/QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung Điều 1 Quyết định số 35/2020/QĐ-UBND ngày 27/8/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 1 Quyết định số 88/2018/QĐ-UBND ngày 09/10/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh giai đoạn đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban thường vụ Quốc hội giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Thực hiện Nghị quyết số 115/NQ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về việc thực hiện một số cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ tỉnh Ninh Thuận phát triển kinh tế - xã hội, ổn định sản xuất, đời sống nhân dân giai đoạn 2018 - 2023;

Thực hiện Nghị quyết số 60/NQ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ về việc áp dụng cơ chế đặc thù trong cấp phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây

dựng thông thường cung cấp cho Dự án đầu tư xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2017 - 2020 (đã khởi công và sắp khởi công);

Thực hiện Nghị quyết số 133/NQ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 60/NQ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2021 về việc áp dụng cơ chế đặc thù trong cấp phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường cung cấp cho Dự án đầu tư xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2017 - 2020 (đã khởi công và sắp khởi công);

Căn cứ Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận về Sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 02/2012/NQ-HĐND ngày 19/7/2012 của HĐND tỉnh về điều chỉnh quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh Ninh Thuận giai đoạn đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận về Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND tỉnh về sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 02/2012/NQ-HĐND ngày 19/7/2012 của HĐND tỉnh về điều chỉnh quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh Ninh Thuận giai đoạn đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 10/2021/NQ-HĐND ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận về Kéo dài thời hạn áp dụng Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 và Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận về Sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh về Sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND tỉnh về sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 02/2012/NQ-HĐND ngày 19/7/2012 của HĐND tỉnh về điều chỉnh quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh Ninh Thuận giai đoạn đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1093/TTr-SXD ngày 07 tháng 4 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 Quyết định số 35/2020/QĐ-UBND ngày 27/8/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về Sửa đổi, bổ sung điểm a

khoản 3 Điều 1 Quyết định số 88/2018/QĐ-UBND ngày 09/10/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh giai đoạn đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận, cụ thể như sau:

1. Bổ sung năm (05) điểm quy hoạch khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh, bao gồm:

a) Vật liệu san lấp:

- Hai (02) điểm quy hoạch tại xã Phước Vinh có diện tích 29,244 ha và xã Phước Hữu có diện tích 8,8394 ha trên địa bàn huyện Ninh Phước;

- Một (01) điểm quy hoạch tại xã Phước Trung có diện tích 37,58 ha trên địa bàn huyện Bác Ái.

b) Đá xây dựng: Hai (02) điểm quy hoạch tại xã Cà Ná có tổng diện tích 38,10 ha (trong đó: Khu vực số 1 có diện tích 19,50 ha, Khu vực số 2 có diện tích 18,60 ha) trên địa bàn huyện Thuận Nam.

(Chi tiết tại Phụ lục I)

2. Năm (05) điểm mỏ quy định tại khoản 1 Điều này chỉ được khai thác để phục vụ nhu cầu cung cấp vật liệu xây dựng thông thường cho dự án đường cao tốc Bắc - Nam phía Đông đoạn qua tỉnh Ninh Thuận và các dự án trọng điểm phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

3. Thông số về diện tích, trữ lượng của các loại vật liệu sau khi điều chỉnh quy hoạch được thể hiện như sau:

a) Đá xây dựng: Tổng diện tích 999,60ha; tổng trữ lượng dự báo 468.665.787m³. Trong đó:

- Huyện Bác Ái: Tổng diện tích 71,0ha; trữ lượng dự báo 47.302.000m³;

- Huyện Ninh Sơn: Tổng diện tích 164,5ha; trữ lượng dự báo 68.110.000m³;

- Huyện Thuận Bắc: Tổng diện tích 382,8ha; trữ lượng dự báo 191.002.000m³;

- Huyện Ninh Hải: Tổng diện tích 17,00ha; trữ lượng dự báo 5.171.000m³;

- Huyện Thuận Nam: Tổng diện tích 364,3ha; trữ lượng dự báo 157.080.787m³.

b) Sét gạch ngói: Tổng diện tích 724,1ha; tổng trữ lượng dự báo 13.092.830m³. Trong đó:

- Huyện Bác Ái: Tổng diện tích 203,2ha; trữ lượng dự báo 2.994.000m³;

- Huyện Ninh Sơn: Tổng diện tích 56,6ha; trữ lượng dự báo 856.504m³;

- Huyện Thuận Bắc: Tổng diện tích 29,0ha; trữ lượng dự báo 319.326m³;

- Huyện Ninh Phước: Tổng diện tích 348,0ha; trữ lượng dự báo 7.177.000m³;

- Huyện Thuận Nam: Tổng diện tích 87,3ha; trữ lượng dự báo 1.746.000m³.

c) Cát xây dựng: Tổng diện tích 1.003,7ha; tổng trữ lượng dự báo 12.311.483m³. Trong đó:

- Huyện Bác Ái: Tổng diện tích 24,0ha; trữ lượng dự báo 250.000m³;

- Huyện Ninh Sơn: Tổng diện tích 435,7ha; trữ lượng dự báo 4.662.383m³;

- Huyện Thuận Bắc: Tổng diện tích 73,0ha; trữ lượng dự báo 738.000m³;

- Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm: Tổng diện tích 262,1ha; trữ lượng dự báo 4.451.845m³;

- Huyện Ninh Phước: Tổng diện tích 10,7ha; trữ lượng dự báo 126.000m³;

- Huyện Thuận Nam: Tổng diện tích 198,20ha; trữ lượng dự báo 2.084.100m³.

d) Đá chẻ xây dựng: Tổng diện tích 713,4ha; tổng trữ lượng dự báo 20.404.627m³. Trong đó:

- Huyện Bác Ái: Tổng diện tích 43,0ha; trữ lượng dự báo 1.290.00m³;

- Huyện Ninh Sơn: Tổng diện tích 82,0 ha; trữ lượng dự báo 220.532m³;

- Huyện Thuận Bắc: Tổng diện tích 185,4ha; trữ lượng dự báo 7.145.000m³;

- Huyện Ninh Hải: Tổng diện tích 100,0 ha; trữ lượng dự báo 2.965.455m³;

- Huyện Ninh Phước: Tổng diện tích 255,3ha; trữ lượng dự báo 7.373.000m³;

- Huyện Thuận Nam: Tổng diện tích 47,7ha; trữ lượng dự báo 1.410.640m³.

đ) Vật liệu san lấp: tổng diện tích 1.568,9634ha; tổng trữ lượng dự báo 88.131.059m³. Trong đó:

- Huyện Bác Ái: Tổng diện tích 373,58ha; trữ lượng dự báo 19.550.000m³;

- Huyện Ninh Sơn: Tổng diện tích 361,9ha; trữ lượng dự báo 24.474.000m³;

- Huyện Thuận Bắc: Tổng diện tích 233,7ha; trữ lượng dự báo 9.290.000m³;

- Huyện Ninh Hải: Tổng diện tích 169,0ha; trữ lượng dự báo 10.300.000m³;

- Huyện Ninh Phước: Tổng diện tích 180,6834ha; trữ lượng dự báo 9.189.050m³;

- Huyện Thuận Nam: Tổng diện tích 250,10ha; trữ lượng dự báo 15.328.009m³.

(Chi tiết tại Phụ lục II)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Xây dựng:

a) Hoàn thiện hệ thống bản đồ và các tài liệu cần thiết để cung cấp cho Ủy ban nhân dân các huyện: Thuận Nam, Ninh Phước và Bác Ái phục vụ công tác quản lý nhà nước về tài nguyên, khoáng sản;

b) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện: Thuận Nam, Ninh Phước và Bác Ái tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động về quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường theo đúng nội dung được phê duyệt tại Quyết định này;

c) Thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát, quản lý theo dõi việc triển khai Quyết định này.

2. Giao các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện: Thuận Nam, Ninh Phước và Bác Ái: Trên cơ sở nội dung Quyết định được phê duyệt và chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm tổ chức quản lý chặt chẽ nguồn tài nguyên khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường theo đúng quy định hiện hành.

3. Những nội dung không sửa đổi, bổ sung tại Quyết định này thực hiện theo Quyết định số 88/2018/QĐ-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2018, Quyết định số 35/2020/QĐ-UBND ngày 27 tháng 8 năm 2020 và Quyết định số 63/2021/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành thuộc tỉnh; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường; Công Thương;
- Vụ Pháp chế (Bộ Xây dựng);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Ninh Thuận;
- Thường trực HĐND các huyện, thành phố;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông;
- VPUB: LĐ, KTTH;
- Lưu: VT, Hào

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Huyền